

ỦY BAN NHÂN DÂN TP CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG
(đối với hệ tốt nghiệp THPT)

Ngành: CAO ĐẲNG DỊCH VỤ PHÁP LÝ
(Mã ngành: 6380201)

NĂM 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 316/QĐ - KTKT ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ)*

Tên ngành: Cao đẳng dịch vụ pháp lý

Mã ngành: 6380201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng.

Hình thức đào tạo: Chính quy.

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 3 năm.

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Cao đẳng ngành dịch vụ pháp lý cho người học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ cao đẳng; bước đầu có định hướng chuyên sâu và rèn luyện kỹ năng thực hành để giải quyết những vấn đề thông thường trong lĩnh vực pháp luật và dịch vụ pháp lý, có khả năng tự nghiên cứu mở rộng kiến thức nhằm thích ứng với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Hiểu biết về quan điểm, đường lối chính sách của Đảng;
- Hiểu về quốc phòng – an ninh.
- Có được kiến thức cơ bản về pháp luật, các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật;
- Phân tích và vận dụng những quy định của pháp luật vào việc thực hiện các dịch vụ tư vấn pháp lý, các nhiệm vụ khác có liên quan đến pháp luật.

1.2.2. Kỹ năng:

Sau khi tốt nghiệp chương trình cao đẳng dịch vụ pháp lý, người học có được những kỹ năng sau đây:

- Kỹ năng thực hành, khả năng nghiên cứu và xử lý những vấn đề pháp lý cơ bản đặt ra trong thực tiễn hoạt động kinh doanh, thương mại và quản lý nhà nước;
- Có khả năng tư vấn soạn thảo và kiểm tra tính pháp lý của các loại văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- Có tác phong công nghiệp đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

- Có khả năng tư vấn về trình tự, thủ tục đăng ký, thành lập các loại hình doanh nghiệp; trình tự thủ tục và hướng giải quyết các tranh chấp xảy ra liên quan đến các lĩnh vực: đất đai, hôn nhân và gia đình, lao động, doanh nghiệp, dân sự...

- Kỹ năng tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, tham mưu giải quyết các khiếu nại tố cáo.

- Nhận biết, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý;

- Biết cách tra cứu các văn bản pháp luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn;

- Có khả năng tổ chức, điều hành và làm việc nhóm.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Trung thực, khách quan, tôn trọng, ý thức phục vụ nhân dân;

- Luôn chấp nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Luôn tận tâm với công việc vì quyền và lợi ích của công dân, của khách hàng;

- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, có đức tính cần cù chịu khó tự học và sáng tạo trong công tác; khiêm tốn và có ý thức phối hợp với đồng nghiệp để hoàn thành tốt nhiệm vụ của cá nhân và nhiệm vụ chung của cơ quan, tổ chức.

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhận những vị trí công tác cụ thể như sau:

- Nhân viên tư pháp của UBND các cấp.

- Nhân viên tư pháp, pháp chế của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp.

- Nhân viên tư vấn pháp lý tại Văn phòng Luật sư, Công ty tư vấn Luật, trung tâm cung cấp dịch vụ pháp lý, văn phòng công chứng.

- Nhân viên phòng Tổ chức, quản lý nhân sự của doanh nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 30 môn học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học :85 tín chỉ(không kể Môn học Công tác xã hội 01 tín chỉ)

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.115 giờ (85 tín chỉ) +1 tín chỉ CTXH

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ (20 TC)

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1.680 giờ (65TC)

- Khối lượng lý thuyết: 495 giờ

- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.185 giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1 Danh mục và thời lượng các môn học:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
CMC111	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
CMC110	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC210	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CXH3001	Công tác xã hội	1	45		45	
II	Môn học chuyên môn	65	1.680	445	1.185	50
II.1	Môn học cơ sở	6	120	54	60	6
CPL101	Kỹ thuật xây dựng văn bản	2	45	13	30	2
CPL103	Lý luận nhà nước và pháp luật	2	30	28	0	2
CPL102	Luật Hiến pháp	2	45	13	30	2
II.2	Môn học chuyên môn	42	855	363	450	42
CPL201	Luật Dân sự và tố tụng dân sự	3	60	27	30	3
CPL202	Luật Hành Chính và Tố tụng hành chính	3	60	27	30	3
CPL302	Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự	3	60	27	30	3
CPL301	Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2	45	13	30	2
CPL303	Luật Kinh tế và Tố tụng kinh tế	3	60	27	30	3
CPL403	Luật Lao động	3	60	27	30	3
CPL304	Luật Môi trường	2	45	13	30	2
CPL402	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	45	13	30	2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
CPL305	Luật Tài chính – Ngân hàng	2	45	13	30	2
CPL404	Luật Thuế	2	45	13	30	2
CPL503	Luật Thương mại điện tử	2	30	28	0	2
CPL405	Pháp luật về Công chứng – Chứng thực	2	45	13	30	2
CPL401	Luật Đất đai	2	45	13	30	2
CPL406	Thanh tra – Khiếu tố	2	45	13	30	2
CPL501	Công tác hộ tịch	2	45	13	30	2
CPL505	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	2	30	28	0	2
CPL	Luật Sở hữu trí tuệ	3	45	42	0	3
CPL507	Thủ tục hành chính về nhà đất	2	45	13	30	2
II.3	Môn học tự chọn	2	30	28	0	2
CPL504	Nghiệp vụ thư ký văn phòng	2	30	28	0	2
CPL506	Tâm lý học	2	30	28	0	2
CPL	Thi hành án dân sự	2	30	28	0	2
II.4	Thực tập tại doanh nghiệp	10	450	0	450	
II.5	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	
Tổng cộng		85	2115	602	1440	73

Cần Thơ, ngày tháng năm 202...

HIỆU TRƯỞNG